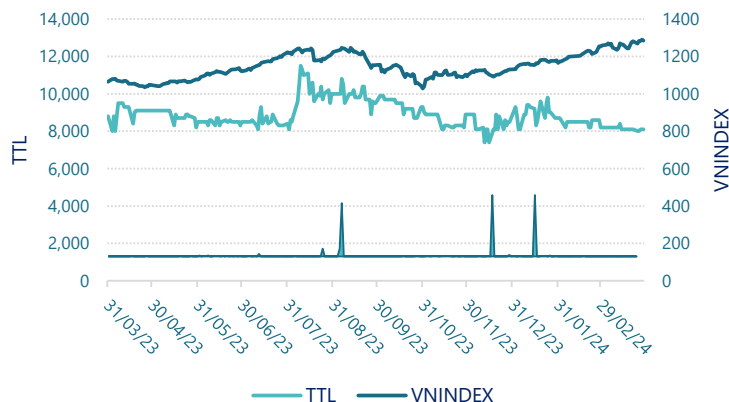


Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (HNX: TTL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	8,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
SL cổ phiếu LH	41,853,700
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,445
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	339
P/E	18.0
EPS	450

DT thuần

Q1/24

386

tỷ VNĐ

QoQ: ▼56.0 | -12.6%

YoY: ▲ 89.0 | 30.1%

LN sau thuế

Q1/24

3.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.26 | -67.8%

YoY: ▼2.91 | -45.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

7.2%

+/- YoY: ▲ 3.5%

DT thuần

2023

1,459

tỷ VNĐ

YoY: ▼37.0 | -2.5%

LN sau thuế

2023

29.2

tỷ VNĐ

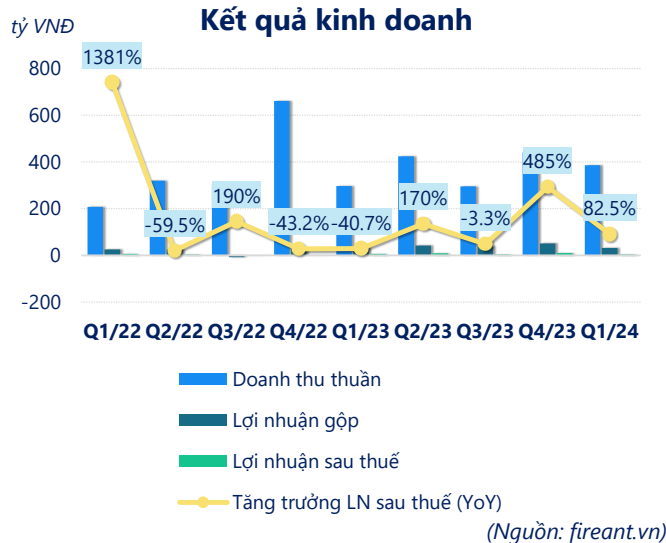
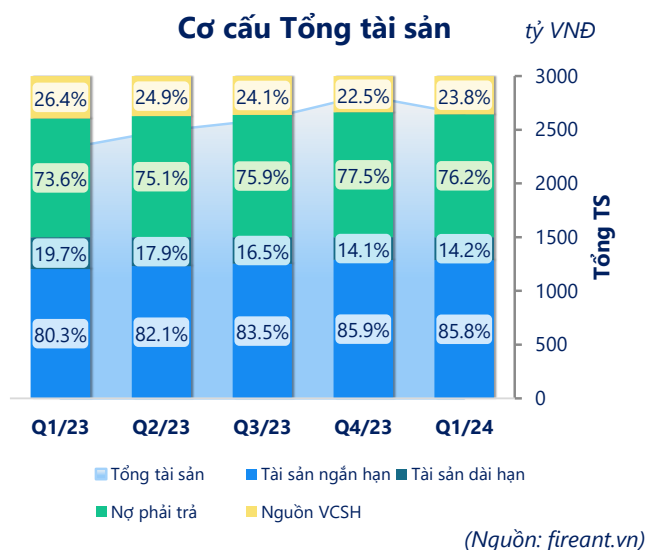
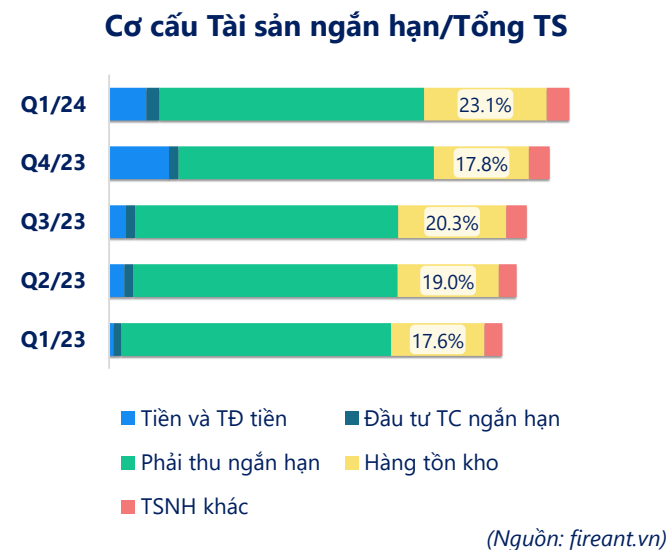
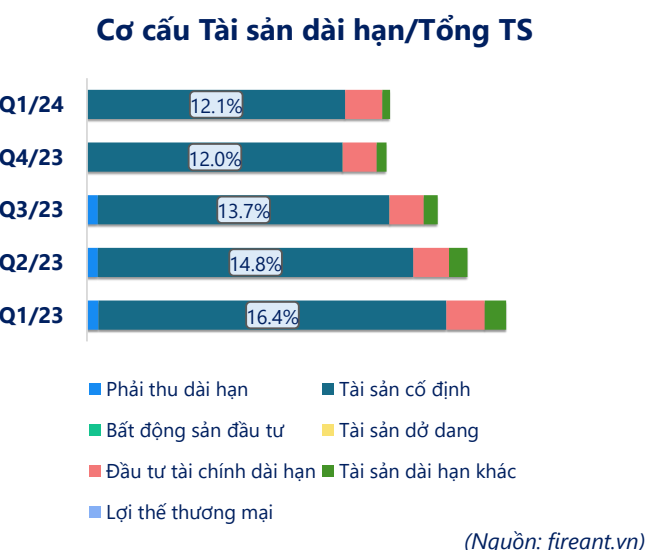
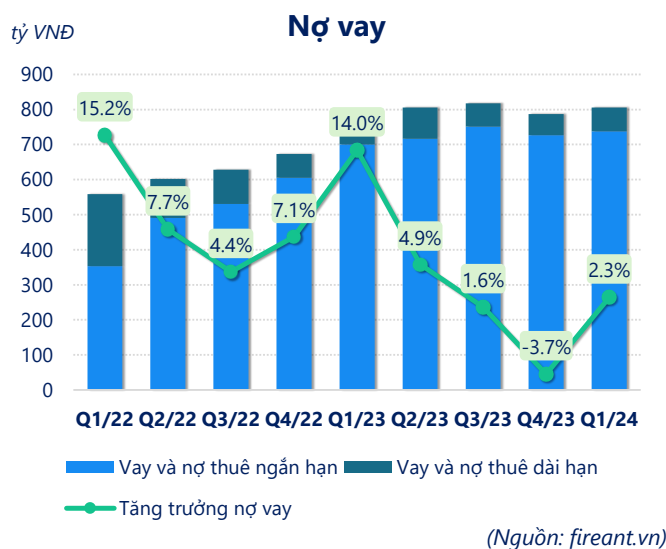
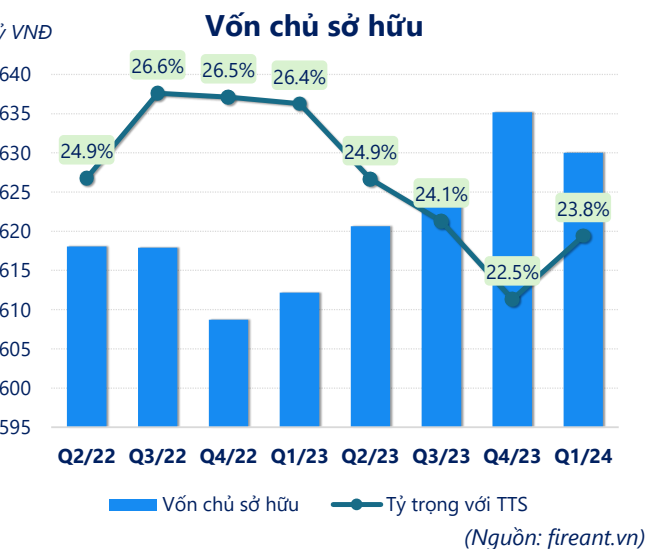
YoY: ▲ 20.5 | 235%

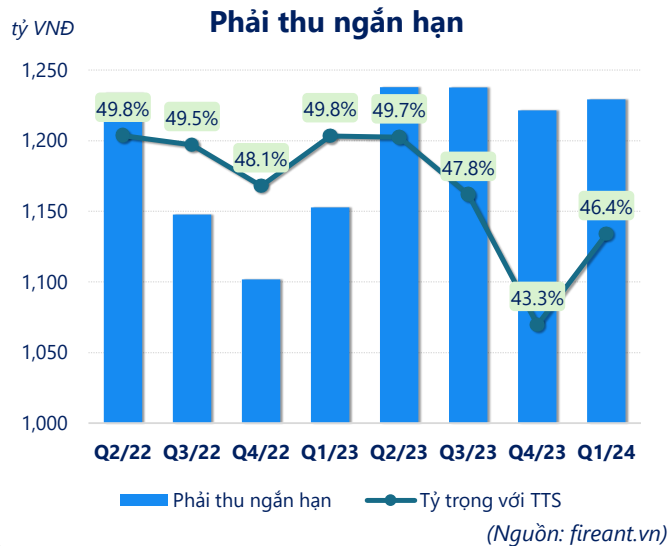
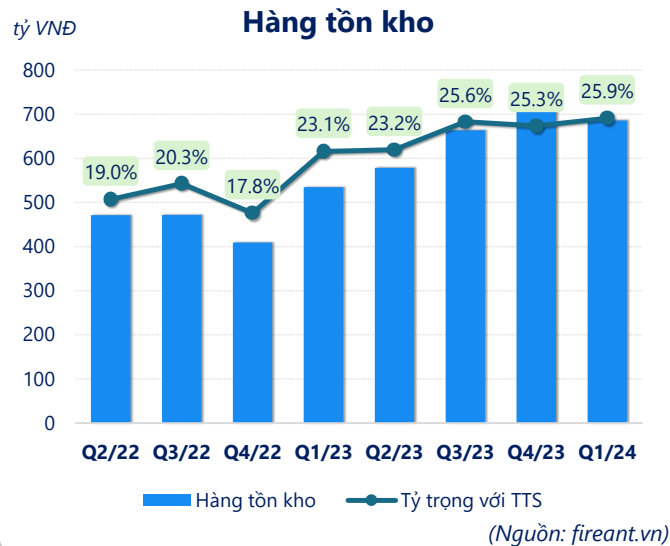
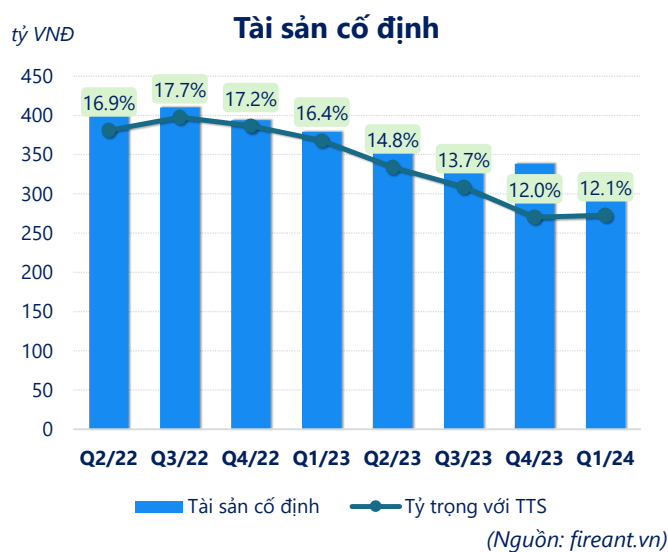
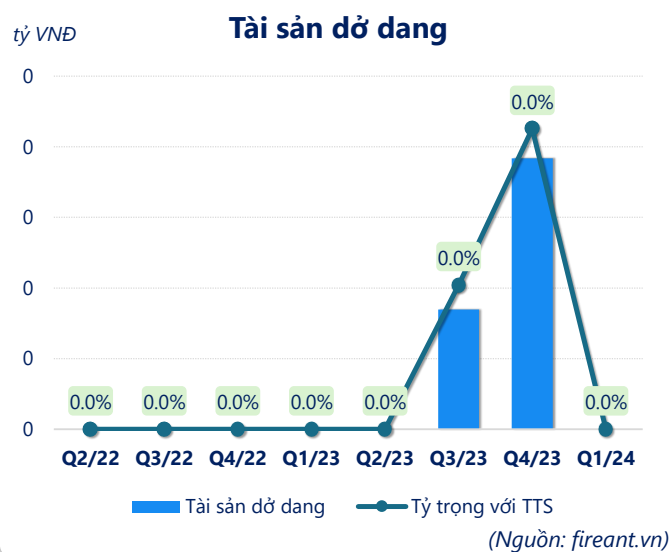
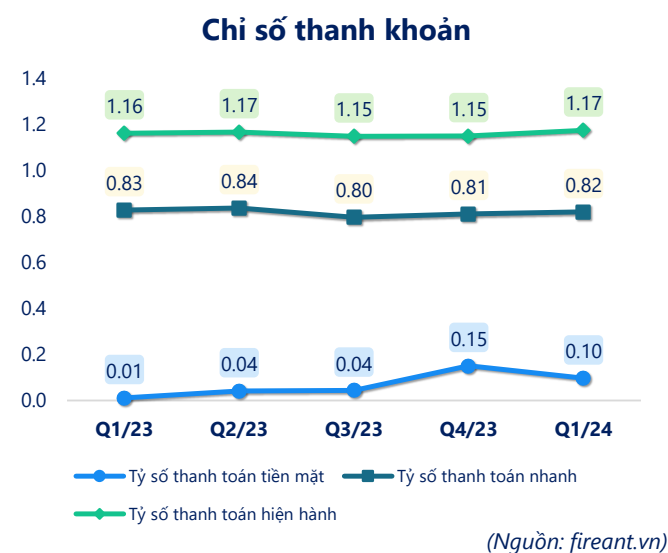
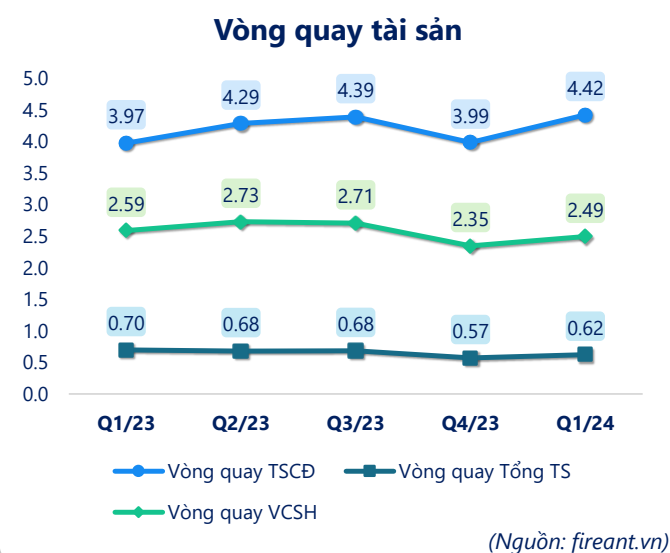
ROE

2023

3.8%

+/- YoY: ▲ 3.0%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	2,317	2,490	2,591	2,818	2,647
Tài sản ngắn hạn	1,860	2,044	2,164	2,421	2,270
Tiền và tương đương tiền	18.2	71.5	82.1	318	186
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.8	57.0	77.0	61.2	59.2
Phải thu ngắn hạn	1,153	1,238	1,238	1,221	1,229
Hàng tồn kho	535	578	663	712	686
Tài sản ngắn hạn khác	98.1	99.5	104	109	110
Tài sản dài hạn	456	446	427	397	377
Phải thu dài hạn	12.6	12.7	13.1	0.36	0.36
Tài sản cố định	379	369	355	338	321
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.08	0.19	0
Đầu tư tài chính dài hạn	41.7	41.7	41.7	45.0	46.3
Tài sản dài hạn khác	23.2	21.8	16.9	13.0	9.55
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,705	1,869	1,967	2,183	2,017
Nợ ngắn hạn	1,601	1,752	1,884	2,106	1,933
Vay và nợ thuê ngắn hạn	700	717	751	726	737
Phải trả người bán ngắn hạn	406	429	396	416	360
Nợ dài hạn	104	118	82.8	77.4	84.3
Vay và nợ thuê dài hạn	66.9	88.5	66.8	61.1	68.3
Nguồn vốn chủ sở hữu	612	621	624	635	630
Vốn chủ sở hữu	612	621	624	635	630
Vốn điều lệ	419	419	419	419	419
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)